

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST  
Ngày 31-7-2017  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Riếp

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ngô Văn Đức

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Huy – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2017/TLST-HĐGD ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐST-HĐGD ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Anh T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Bến Tre

*2. Bị đơn:* Anh ả guyễn Thanh P, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2017 và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Anh T trình bày:*

Chị Trần Thị Anh T và anh ả guyễn Thanh P kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp nhau,

thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến cự cãi. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng vợ chồng cũng không thể hàn gắn được tình cảm. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì anh P có đến thăm vợ con vài lần, đến tháng 9 năm 2017 thì hai bên đã không còn liên lạc để hàn gắn tình cảm. ả ay chị T xác định đã không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh ả guyễn Thanh P.

Về con chung: có 01 con chung là ả guyễn Phúc T, sinh ngày 25/6/2015 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp cho Tòa án gồm có: Đơn xác nhận nơi cư trú ngày 27/02/2017 của Công an xã B, huyện M (bản chính), Giấy chứng nhận kết hôn của anh P và chị T (bản chính), Trích lục bản sao giấy khai sinh của cháu ả guyễn Phúc Tên, bản sao chứng minh nhân dân và bản sao hộ khẩu của chị T.

*Bị đơn anh Nguyễn Thanh P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Anh T đối với anh ả guyễn Thanh P. Giao con chung là ả guyễn Phúc T, sinh ngày 25/6/2015 cho chị Trần Thị Anh T tiếp tục nuôi giữ, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh ả guyễn Thanh P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo xác nhận nơi cư trú ngày 27/02/2017 của Công an xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị đơn ả guyễn Thanh P có đăng ký thường trú và hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ số 468/A ấ áp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[3] Về nội dung: Chị Trần Thị Anh T và anh ả guyễn Thanh P kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị T và anh P phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh ả guyễn Thanh P, yêu cầu của chị T được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.1] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay thì chị T xác định đã không còn tình cảm vợ chồng với anh P nên vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh ả guyễn Thanh P.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh P đã không có Tận chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, theo xác minh tại địa phương thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P đã có phát sinh những mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã tồn tại nhưng vợ chồng không khắc phục được. Chính vì vậy, chị T và anh P đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Điều đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. ả ếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các thành viên trong gia đình. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Anh T đối với anh ả guyễn Thanh P là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Trong quá trình chung sống với nhau, chị T và anh P có 01 con chung là ả guyễn Phúc T, sinh ngày 25/6/2015 hiện đang sống cùng với chị T. Chị T cho

rằng chị có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con chung nên chị yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chung. Hiện tại con chung của chị T và anh P là ả guyễn Phúc T đang sống với mẹ, có cuộc sống và sinh hoạt ổn định. Hơn nữa, cháu ả guyễn Phúc T hiện nay dưới 36 tháng tuổi, cần được sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trực tiếp từ người mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung ả guyễn Phúc T sẽ đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, anh ả guyễn Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Anh T không yêu cầu anh ả guyễn Thanh P phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị Trần Thị Anh T phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 ả gị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 ả gị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Anh T được ly hôn với anh ả guyễn Thanh P.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Anh T được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung ả guyễn Phúc Tên, sinh ngày 25/6/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Anh T không yêu cầu anh ả guyễn Thanh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh ả guyễn Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình: ả guyễn đơn chị Trần Thị Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007019 ngày 02/3/2017 của Chi cục T hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị Trần Thị Anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Chị Trần Thị Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh ả guyễn Thanh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAA D tỉnh Bến Tre;
- VKSẢ D huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- UBẢ D xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Riếp**